

Số: 5479140

|                                      | Kia New Seltos 1.5 Luxury | New Mazda CX-3 1.5L Luxury |
|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                 | <b>609.000.000đ</b>       | <b>569.000.000đ</b>        |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>      |                           |                            |
| Kích thước tổng thể (mm)             | 4365 x 1800 x 1645        | 4275 x 1765 x 1535         |
| Chiều dài cơ sở (mm)                 | 2610                      | 2570                       |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)    | 5300                      | 5300                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)              | 190                       | 155                        |
| Khối lượng không tải (kg)            | 1234                      | 1210                       |
| Khối lượng toàn tải (kg)             | 1690                      | 1660                       |
| Thể tích khoang hành lý (L)          | 433                       | 350                        |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)       | 50                        | 48                         |
| Số chỗ ngồi                          | 5                         | 5                          |
| Nguồn gốc                            | SX-LR trong nước          | SX-LR trong nước           |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>         |                           |                            |
| Loại động cơ                         | Smartstream 1.5G          | Skyactiv-G 1.5L            |
| Dung tích xi lanh (cc)               | 1497                      | 1496                       |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)         | 113 Hp/ 6.300 rpm         | 110 / 6000                 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)        | 144 Nm/ 4.500 rpm         | 144 / 4000                 |
| Hộp số                               | Hộp số vô cấp CVT         | 6AT                        |
| Hệ thống dẫn động                    | Cầu trước (FWD)           | Cầu trước (FWD)            |
| Hệ thống treo trước                  | McPherson                 | Độc lập Mc Pherson         |
| Hệ thống treo sau                    | Thanh cân bằng            | Thanh xoắn                 |
| Hệ thống phanh trước                 | Đĩa                       | Đĩa                        |
| Hệ thống phanh sau                   | Đĩa                       | Đĩa                        |
| Thông số lốp xe                      | 215/60 R17                | 215/50 R18                 |
| Chế độ lái                           | Normal/Eco/Sport          | Normal/Sport               |
| Chế độ địa hình                      | Snow/Mud/Sand             |                            |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                   |                           |                            |
| Cụm đèn trước                        | LED                       | Halogen                    |
| Đèn trước tự động bật/tắt            | ●                         | ●                          |
| Đèn ban ngày LED                     | ●                         | Halogen                    |
| Đèn sương mù                         | LED                       | LED                        |
| Cụm đèn sau                          | LED                       | Halogen                    |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ●                         | ●                          |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>         |                           |                            |
| Vô lăng bọc da                       | ●                         | ●                          |
| Chất liệu ghế                        | Da                        | Da                         |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                         | ●                          |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                         |                            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                         |                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●                         | ●                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -                         |                            |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                         |                            |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                         |                            |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                         |                            |
| Tính năng cửa hít                    | -                         |                            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                         | ●                          |

|                                                 |                |                  |
|-------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 4.2"           | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                                    | -              |                  |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 10.25"         | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●              | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●              | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | Tự động 2 vùng | 1                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●              |                  |
| Chìa khóa thông minh                            | ●              | ●                |
| Khởi động nút bấm                               | ●              | ●                |
| Khởi động từ xa                                 | ●              |                  |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa          | 6 loa            |
| Lấy chuyển số                                   | -              |                  |
| Sạc không dây Qi                                | -              |                  |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●              | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●              | ●                |
| Đèn trang trí nội thất                          | -              |                  |
| Rèm che nắng                                    | -              |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●              | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                |                  |
| Số túi khí                                      | 6              | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ●              | Sau              |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | -              |                  |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -              |                  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -              |                  |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -              |                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●              | Cruise control   |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | -              |                  |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●              | ●                |
| Camera lùi                                      | ●              | ●                |